TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2017
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Văn Hứng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Trần Thị Thu Vân**

2/ Bà **Bùi Mỹ Lan**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Huỳnh Minh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ*** tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nga** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 483/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 863/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà **A**, sinh năm 1967 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Phường N, quận M, thành phố Cần Thơ.

- <u>*Bị đơn*</u>: Ông **B**, sinh năm 1966 (*Xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: đường X, phường N, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2017 và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà A trình bày:

Trước đây do quen biết và tìm hiểu nên bà và ông B tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Lợi và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, sau nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung có 01 cháu: C (Giới tính nam, sinh ngày 21/7/2010). Sau khi ly hôn bà yêu cầu được dành quyền nuôi cháu C, yêu cầu ông B cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đồng/tháng cho đến khi cháu C trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Theo Biên bản làm việc ngày 13/9/2017, bị đơn – Ông B trình bày*: Đồng ý ly hôn với bà B, về con chung có 01 cháu: C (Giới tính nam, sinh ngày 21/7/2010) sau khi ly hôn ông đồng ý dành quyền nuôi con cho bà A. Tuy nhiên, về phần cấp dưỡng do hiện tại thu nhập của ông chỉ có 2.500.000 đồng/tháng nên chỉ có khả năng cấp dưỡng cho con mỗi tháng từ 1.000.000 đồng trở xuống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông B 02 lần để tiến hành hòa giải cho các bên hàn gắn tình cảm nhưng ông B không đến. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà A và ông B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà A và ông B phát sinh mâu thuẫn và bà A có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*", tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn – Ông B yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt (BL 19) nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt bị đơn) theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà A yêu cầu được ly hôn với ông B và ý kiến của ông B cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của bà A. Do đó, yêu cầu này là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Bà A và ông B đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên là C (Giới tính nam, sinh ngày 21/7/2010), hiện cháu đang ở cùng với bà A. Theo yêu

cầu của bà A cũng như ý kiến của ông B thì sẽ dành quyền trực tiếp nuôi con cho bà A. Xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà A yêu cầu ông B cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C trưởng thành. Tuy nhiên, theo Giấy yêu cầu xác minh ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thì tại phần kết quả xác minh có nội dung: "*Công ty TNHH Y xác nhận mức lương thực tế của anh B là 2.500.000 đồng/tháng*". Xét với mức thu nhập 2.500.000 đồng/tháng thì việc để ông Trưng vừa thực hiện việc cấp dưỡng theo yêu cầu của bà A vừa để nuôi sống bản thân là khó thực hiện. Hơn, nữa tại Biên bản làm việc ngày 13/9/2017 thì ý kiến của ông B là *"...chỉ có khả năng cấp dưỡng mỗi tháng từ 1.000.000 đồng trở xuống"*. Do đó, để đảm bảo cho việc nuôi con chung của bà A cũng như điều kiện để ông B tự nuôi sống bản thân mình thì chỉ có thể chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Hơn nữa, qua động viên bà A cũng đồng ý với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Do bà A trực tiếp nuôi dưỡng cháu C nên dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông B theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

Sau này, nếu bà A không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông B có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Ngược lại, bà A cũng có quyền khởi kiện yêu cầu ông B thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật khi thu nhập của ông B cao hơn.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận. Về nợ chung, không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn – Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; Bị đơn – Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 55, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A về việc ly hôn với ông B.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà A được ly hôn với ông B.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên C (Giới tính nam, sinh ngày 21/7/2010) cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông B theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận. Về nợ chung, không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003862 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí.

Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Mỹ Lan **Trần Thị Thu Vân** **Văn Hứng**